TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 09/2022/DS-GĐT
Ngày 12/01/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh và ông Nguyễn Cường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"* giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Việt P;

Đại diện ủy quyền của ông Phương: Bà Đinh Thị T;

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Quang V và bà Đoàn Thị L;

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.***

1. Ông Nguyễn Phương Nam, sinh năm 1976;

2. Ông Nguyễn Quang Tiến (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tiến: Bà Nguyễn Thị H; cháu Nguyễn Thị Nguyệt M, năm 2012; cháu Nguyễn Quang Huy, sinh năm 2016;

Đại diện theo pháp luật cho cháu Huy và cháu Minh: Bà Nguyễn Thị H.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ea Kmút, huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Về nguồn gốc đất của thửa đất số 230a, 89, tờ bản đồ số 01 có được là từ việc

ông V bà L mua của các hộ khác từ năm 1993 và năm 1998, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/05/2002, ông V bà L xác lập hợp đồng tặng cho con trai của mình là ông Nguyễn Việt P toàn bộ hai thửa đất nêu trên, hợp đồng được xác lập dưới tên gọi ***"Đơn sang nhượng đất",*** ông V, bà L là người trực tiếp xác lập và ký dưới mục người làm đơn, có xác nhận của địa chính và Ủy ban nhân dân xã Ea Kmút. Kể từ thời điểm năm 2002 cho đến nay, ông Nguyễn Việt P cùng vợ và các con đã làm nhà, trồng các loại cây lâu năm sinh sống trên đất, không có tranh chấp, không ai có ý kiến gì về việc tặng cho, Mặc dù, nhiều lần ông Phương yêu cầu ông V bà L giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện thủ tục sang tên nhưng cho đến nay ông Phương vẫn chưa được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tặng cho. Do vậy, ông Phương đã làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea K công nhận hợp đồng và buộc phải thực hiện hợp đồng tặng cho được xác lập ngày 20/5/2002.

Đơn khởi kiện ngày 24/07/2019 có Bà Đinh Thị T khởi kiện cùng với chồng là ông Nguyễn Việt P, nhưng trong giấy tặng cho đề ngày 20/05/2002 về ý chí của người cho đất là cha mẹ tặng cho con trong nội dung chỉ cho ông Nguyễn Việt P mà không cho bà Thu. Do vậy, xin rút lại phần yêu cầu khởi kiên của bà Thu đối với ông V, bà L.

Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí cho việc thẩm định, định giá tài sản 2.300.000 đồng. Trường hợp được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn khoản tiền trên.

*** Ông Nguyễn Phương Nam là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:** Quá trình giải quyết vụ án tôi không đồng ý đối với trình bày của nguyên đơn cho rằng Đơn sang nhượng đề ngày 20/5/2002 là hợp đồng tặng cho mà đây là hợp đồng chuyển nhượng giữa ông V, bà L bán đất lại cho ông Phương nhưng chưa thống nhất về giá, ông Phương không trả tiền và không thực hiện theo yêu cầu của ông V bà L nên không thực hiện việc sang tên cho ông Phương.

Tại phiên tòa, căn cứ vào nội dung hợp đồng các bên xác lập, tôi xác định đây là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V, bà L tặng cho ông Phương, về ý chí bố mẹ tôi chỉ tặng cho một mình ông Phương và không tặng cho bà Thu, việc tặng cho ông Phương là hoàn toàn tự nguyện đối với hai thửa đất nêu trên.

Về nguồn gốc của thửa đất số 89, tờ bản đồ 01 do ông V, bà L nhận chuyển nhượng đất của ông Phượng, bà Thoa từ năm 1993, tiền mua thửa đất này là do bố mẹ bán tài sản ngoài quê vào để mua đất. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp bìa, sau này mua về mới đi làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 230a, tờ bản đồ 01 do ông V, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Y Gan Bya năm 1997, đến năm 1998 mới đi làm thủ tục sang tên và tôi là người thay bố mẹ tôi đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với

số tiền nhận chuyển nhượng thửa 230a này là do gia đình làm ăn, góp lại mới mua được.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý. Vì mặc dù năm 2002 ông V, bà L có xác lập hợp đồng tặng cho, nhưng ông Phương bà Thu bất hiếu, đối xử với bố mẹ tôi không ra gì, không làm tròn bổn phận của một người con; hơn nữa đây là đất của hộ gia đình nên chưa được sự đồng ý của ông Tiến và tôi nên "Đơn sang nhượng đất" đề ngày 20/5/2002 là không đúng theo quy định, nên hiện nay ông V, bà L không đồng ý tiếp tục tặng cho ông Phương.

Với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bản thân tôi không có yêu cầu gì. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

*** Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Quang Tiến, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Minh, cháu Huy là bà Nguyễn Thị Hằng trình bày:** Tôi không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, vì đây không phải là hợp đồng tặng cho, vì tại sao cho từ năm 2002 cho đến nay không thực hiện sang tên, theo nội dung thì ý chí cho chỉ mỗi một mình ông Phương không có tên bà Thu, nên bà Thu không có quyền yêu cầu khởi kiện ông V, bà L.

Đất là của hộ gia đình, nên về việc thỏa thuận chưa có sự đồng ý của ông Nam, ông Tiến là các con của ông V, bà L nên không có giá trị về pháp lý. Với tư cách là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Tiến trong vụ án, cũng là người đại diện theo pháp luật cho các con trong vụ án, chúng tôi không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 691, 693 của Bộ luật dân sự 1995.

Thông tư số: 1990/2001/TT-TCĐC, ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Tổng cục địa chính.

Khoản 3 Điều 73 của Luật đất đai 1993; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Việt P.

Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 20/5/2002.

Buộc ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L phải thực hiện hợp đồng tặng cho

ông Nguyễn Việt P đối với các tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn Đoàn Kết, xã Ea Kmút, huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk, gồm: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 01, được Ủy ban nhân dân huyện Ea K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424081, ngày 03/09/2002, có tứ cận: phía Đông giáp đường, dài 7m; phía Tây giáp đất ông Hưng, dài 7m; phía Nam giáp thửa đất số 230a, dài 50m; phía Bắc giáp đất nhà ông Thiện, dài 50m. Thửa đất số 230a, tờ bản đồ số 01, được Ủy ban nhân dân huyện Ea K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0451911, ngày 20/01/1999, có tứ cận: phía Đông giáp đường, dài 13m; phía Tây giáp đất ông Nam, dài 13m; phía Nam giáp đất bà Liên, dài 50m; phía Bắc giáp thửa đất số 89, dài 50m.

Ông Nguyễn Việt P có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Đinh Thị T.

Về chi phí thẩm định: Buộc ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Việt P 2.300.000 đồng chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/01/2021, ông Nguyễn Quang V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2021/DS-PT ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang V, Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các điều: 116, 117, 118, 119 và 463 Bộ luật dân sự 1995.

Căn cứ vào Nghị Định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000.

Căn cứ vào Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngay 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt P về việc buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho ngày 20/5/2002 giữa ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L với ông Nguyễn Việt P.

Hủy hợp đồng tặng cho tài sản ngày 20/5/2002 giữa ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L với ông Nguyễn Việt P.

Buộc ông Nguyễn Việt P trả lại cho ông Nguyễn Quang V bà Đoàn Thị L các thửa đất tọa lạc tại thôn Đoàn Kết, xã Ea Kmút, huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk:

Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 01, được Ủy ban nhân dân huyện Ea K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424081, ngày 03/09/2002, có tứ cận:

Phía Đông giáp đường, dài 7m;

Phía Tây giáp đất ông Hưng, dài 7m;

Phía Nam giáp thửa đất số 230a, dài 50m;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Thiện, dài 50m.

Thửa đất số 230a, tờ bản đồ số 01, được Ủy ban nhân dân huyện Ea K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0451911, ngày 20/01/1999, có tứ cận:

Phía Đông giáp đường, dài 13m;

Phía Tây giáp đất ông Nam, dài 13m;

Phía Nam giáp đất bà Liên, dài 50m;

Phía Bắc giáp thừa đất số 89, dài 50m.

+ Buộc ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L hoàn trả cho ông Nguyễn Việt P giá trị tài sản trên đất và công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo làm giá trị 02 thửa đất tăng lên với tổng số tiền: 449.492.180 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm tám mươi đồng), trong đó: Giá trị tài sản trên đất là 216.948.080 đồng, giá trị thửa đất tăng lên là 232.544.100 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Đinh Thị T.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí và chi phí tố tụng khác.

Ngày 09/8/2021, ông Nguyễn Việt P gửi đơn đến Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Ngày 22/11/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk có văn bản kiến nghị số 248/CCTHADS gửi Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm trên.

Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 01/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 08/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp Cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2021/DS-PT ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp Cao Tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, huỷ toàn bộ bản án phúc thẩm nêu trên; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 06/01/2021 của Toà án nhân dân huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Thửa đất 89 có nguồn gốc từ việc ông V bà L nhận chuyển nhượng của ông Phượng bà Thoa vào năm 1993 bằng số tiền của ông V bà L có được do bán tài sản ở quê và được UBND huyện Ea K cấp GCNQSDĐ ngày 20/9/1993; thửa đất số 230a có nguồn gốc từ việc ông V bà L nhận chuyển nhượng từ ông Y Gan Byă vào năm 1998, được UBND huyện Ea K cấp GCNQSDĐ ngày 20/01/1999. Ông V cho rằng thửa đất số 230a là do con trai ông là ông Nguyễn Phương Nam bán rẫy và hoa màu mua được, đất cấp cho hộ gia đình ông V và có công sức đóng góp của hai con trai ông là ông Nam và ông Tiến nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền mua đất là do ông Nam đóng góp, ông Nam và ông Tiến cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh công sức đóng góp của mình vào hai thửa đất nói trên. Ngoài ra, từ thời điểm ông V bà L tặng cho quyền sử đụng đất cho ông Phương cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp, ông Nam và ông Tiến cũng không có ý kiến gì về việc tặng cho đất của ông V bà L. Như vậy, ông V bà L là chủ thể có quyền chuyển quyền sử dụng, tặng cho đất, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật đất đai năm 1993.

[2] Quá trình tặng cho quyền sử dụng đất: Tài liệu trong hồ sợ vụ án thể hiện, ngày 20/5/2002 ông V viết tay "Đơn sang nhượng đất" có nội dung: *"Tên tôi Nguyễn Quang Việt...Tôi có thổ đất số sổ B150370 và D0451911. Nay tôi chuyển nhượng cho con là Nguyễn Việt Phương...với diện tích 1.000m^2: Phía Đông rộng 20m giáp đường 8m; Phía Bắc dài 50m giáp ông V; Phía Tây rộng 20m giáp anh Nam và anh Hưng. Phía Nam dài 50m giáp chị Liên".* Đơn sang nhượng đất có chữ ký của vợ chồng ông V, bà L và ông Phương.

Đơn được địa chính xã xác nhận nội dung "Theo đơn xin cho lại đất của ông Nguyễn Quang V cho con Nguyễn Việt Phương là có thực" và được Chủ tịch UBND xã Ea Kmút chứng thực (BL 04). Như vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V bà L với ông Phương được lập thành văn bản và có công chứng chứng thực là đảm bảo về mặt hình thức theo quy định tại Điều 463 BLDS năm 1995.

Quá trình hòa giải tại địa phương, tại Biên bản làm việc ngày 07/5/2019 (BL 15) ông Nguyễn Quang V cũng thừa nhận việc cho con trai là ông Phương diện tích đất nêu trên.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phương Nam thừa nhận "Đơn sang nhượng đất" ngày 20/5/2002 là do bố mẹ ông tặng cho anh trai là Nguyễn Việt Phương. Xét nội dung *"Đơn sang nhượng đất"* ngày 20/5/2002, mặc dù không ghi rõ tên số thửa đất nhưng có ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 150373 và D 0451911, có tứ cận và diện tích rõ ràng. Bản thân ông V cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Đơn là của ông. Sau đó, Đơn sang nhượng đất đã được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 22/5/2002.

Như vậy, về mặt hình thức và thủ tục là phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Việt P cùng gia đình vợ con đã làm nhà ở kiên cố, trồng cây ăn quả và sinh sống ổn định từ năm 2002 đến nay. (Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản). Các đương sự khác trong vụ án đều ở cạnh nhà ông Phương và không có ý kiến phản đối hay khiếu kiện gì về việc ông Phương làm nhà và ở trên đất từ đó đến nay.

[5]. Ngày 08/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea K tiến hành lấy lời khai của ông Tào Văn Hân nguyên Chủ tịch UBND xã Ea Kmút (người đã chứng thực trong Đơn sang nhượng đất), ông Vũ Văn Hùng là cán bộ địa chính xã (người xác nhận trong Đơn sang nhượng đất) đều xác định mục đích của việc xác nhận, chứng thực trong Đơn sang nhượng đất là xác thực việc ông V tặng cho đất ông Phương (Bút lục số 116, 117). Tại Biên bản xác minh ngày 21/6/2021, Thôn trưởng thôn Đoàn Kết cũng xác định nguồn gốc 02 thửa đất tranh chấp là do ông V tặng cho ông Phương (Bút lục số 281).

[6]. Hơn nữa, sau khi tặng cho đất phía bị đơn đã nhiều lần dùng tài sản để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng nên phía nguyên đơn chưa làm thủ tục chỉnh lý sang tên được. Ông Phương, bà Thu cũng khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì tin tưởng bố mẹ nên chờ con cái lớn sẽ làm thủ tục sang tên cho con luôn. Đồng thời, hiện nay ông Phương bị tai nạn và không có khả năng lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết mà nội dung kháng nghị đã đề cập phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nội dung việc tặng cho phù hợp với quy định tại điều 461 BLDS năm 1995. Trên thực tế, ông V bà L đã chuyển giao thửa đất, ông Phương bà Thu đã nhận đất, sử dụng đất ổn định, đã sử dụng đất như: trồng cây lâu năm, xây nhà trên đất vào năm 2004, sửa, cới nới nhà cửa năm 2013 và những thành viên trong gia đình ông V bà Lan không ai có ý kiến phản đối, cho đến năm 2018 mới có tranh chấp.

[7]. Ông V bà L trình bày, việc viết giấy sang nhượng đất cho ông Phương mục đích là cho ông Phương mượn để ở, sau này có cho hoặc là bán là tùy thuộc vào ông nhưng ông Phương không thừa nhận điều này, ông V bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đối với ý kiến của ông V cho rằng ông Phương bà Thu không làm tròn bổn phận của người con, đối xử với bố mẹ không ra gì nên ông V thay đổi ý chí không tiếp tục tặng cho đất cho ông Phương nữa. Xét nội dung thỏa thuận trong giấy viết tay ngày 20/5/2002, các bên không thỏa thuận về điều kiện tặng cho quyền sử dụng đất, ông V bà L cũng không cung cấp được tài liệu về việc các bên thỏa thuận về điều kiện tặng cho nên ý kiến trình bày của ông V không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 08/12/2021 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 08/12/2021 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 105/2021/DS-PT ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về vụ án *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*, giữa nguyên đơn là Bà Đinh Thị T, ông Nguyễn Việt P với bị đơn là ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GĐKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Văn Tiến

Nơi nhận:
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân huyện huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk (2 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GĐKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Văn Dũng